



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**



**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ - KHÓA 43
(ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO)**

**NGÀNH: NGÀNH KẾ TOÁN
(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 43)**

**DLU DALAT
UNIVERSITY**

Địa chỉ: 01 Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng
Điện thoại: (+84)633822246
Fax: (+84)633823380
Email: info@dlu.edu.vn
Website: www.dlu.edu.vn

Lâm Đồng – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
(ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO)

NGÀNH: KẾ TOÁN
(ÁP DỤNG KHÓA 43)

Lâm Đồng - 2019

LỜI GIỚI THIỆU

Trường Đại học Đà Lạt là một trường công lập được thành lập theo quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Không gian yên tĩnh trong khuôn viên 40 ha của trường là môi trường thuận lợi cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và xã hội - nhân văn; là trung tâm nghiên cứu khoa học - chuyên giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trường đang được Đảng và Nhà nước đầu tư xây dựng để trở thành Trường đại học trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên.

Trường Đại học Đà Lạt là trường đại học đầu tiên trong cả nước đào tạo theo hệ thống tín chỉ, năm 2015, tất cả chương trình đào tạo bậc thạc sĩ và đại học đã được xây dựng theo chuẩn đầu ra CDIO với thời gian đào tạo linh hoạt; tùy theo điều kiện của cá nhân, sinh viên có thể chủ động sắp xếp kế hoạch học tập của mình. Thực hiện chủ trương quốc tế hóa, giảng dạy bằng tiếng Anh, các chương trình đào tạo hợp tác với nước ngoài, đổi mới phương pháp giảng dạy trong đó chú trọng đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ, Nhà trường ưu tiên xét tuyển các thí sinh có trình độ tiếng Anh tốt, đáp ứng yêu cầu dạy và học trong tình hình mới. Tháng 3 năm 2017, Trường Đại học Đà Lạt đã chính thức trở thành thành viên thứ 124 của Hiệp hội CDIO quốc tế và là Trường Đại học thứ 4 của Việt Nam được gia nhập tổ chức này. Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt là một trong sáu tạp chí khoa học của Việt Nam được chỉ mục trong Hệ thống trích dẫn khoa học các quốc gia Đông Nam Á – ACI. Trường Đại học Đà Lạt là trường đại học công lập của Việt Nam được chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học 2.0 theo quyết định số: 34/QĐ-TTKĐ của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học Quốc gia Tp.HCM ngày 23 tháng 7 năm 2019. Tháng 4/2020, Trường Đại học Đà Lạt chính thức trở thành thành viên liên kết của AUN-QA. Trường Đại học Đà Lạt là thành viên của Nhà Xã hội trí tuệ nhân tạo (AIWS House). Là cơ sở để triển khai đào tạo về Big Data và trí tuệ nhân tạo.

Thành quả lao động của tập thể các nhà khoa học là Bộ chương trình đào tạo 33 chuyên ngành được ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐH ngày .../.../20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt. Toàn bộ chương trình đào tạo được Trường công khai để tạo điều kiện cho người học chủ động lên kế hoạch học tập và tự học.

Sự đổi mới toàn diện về hệ thống chương trình đào tạo sẽ là cơ sở để Trường đổi mới toàn diện hệ thống giáo trình, học liệu và phương pháp giảng dạy với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra những “sản phẩm trí tuệ” chất lượng cao, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước, xứng đáng là Trường đại học trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ
áp dụng chuẩn đầu ra CDIO

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18/6/2012; Luật bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt ban hành kèm theo Quyết định số 422/QĐ-ĐHDL ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thông qua chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của 33 ngành đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ áp dụng chuẩn đầu ra CDIO gồm **33** ngành đào tạo (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Giao cho Phòng Quản lý Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Khoa xây dựng Kế hoạch giảng dạy hằng năm căn cứ vào Bộ chương trình này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa 43.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng Khoa, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (*để chỉ đạo*);
- Khoa (*để thực hiện*);
- VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH 33 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO**

(Kèm theo Quyết định số: .../QĐ-ĐHDL ngày .../.../2019)

TT	Ký hiệu Trường	Ngành tuyển sinh/ Website	Mã ngành
1	TDL	Toán học	7460101
2	TDL	Sư phạm Toán học	7140209
3	TDL	Sư phạm Tin học	7140210
4	TDL	Giáo dục tiểu học	7140202
5	TDL	Công nghệ Thông tin	7480201
6	TDL	Vật lý học	7440102
7	TDL	Sư phạm Vật lý	7140211
8	TDL	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
9	TDL	Kỹ thuật hạt nhân	7520402
10	TDL	Hóa học	7440112
11	TDL	Sư phạm Hóa học	7140212
12	TDL	Sinh học	7420101
13	TDL	Sư phạm Sinh học	7140213
14	TDL	Khoa học Môi trường	7440301
15	TDL	Nông học	7620109
16	TDL	Công nghệ Sinh học	7420201
17	TDL	Công nghệ Sau thu hoạch	7540104
18	TDL	Quản trị Kinh doanh	7340101
19	TDL	Kế toán	7340301
20	TDL	Luật	7380101
21	TDL	Xã hội học	7310301
22	TDL	Văn hoá học	7229040
23	TDL	Văn học	7229030
24	TDL	Sư phạm Ngữ văn	7140217
25	TDL	Lịch sử	7229010
26	TDL	Sư phạm Lịch sử	7140218
27	TDL	Việt Nam học	7310630
28	TDL	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
29	TDL	Công tác xã hội	7760101
30	TDL	Đông phương học	7310608
31	TDL	Quốc tế học	7310601
32	TDL	Ngôn ngữ Anh	7220201
33	TDL	Sư phạm Tiếng Anh	7140231

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	2
2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	3
3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, THANG ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	3
4. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO NĂNG LỰC.....	3
5. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	4
6. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO KHUNG CDIO CẤP ĐỘ 3.....	5
7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	12
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY.....	19
10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	23

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Ngành đào tạo: KẾ TOÁN

Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)

Loại hình đào tạo: Chính quy

Mã ngành đào tạo: 7340301

Thời gian đào tạo: 4 năm

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán được xây dựng nhằm đào tạo người học có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu; có khả năng sáng tạo, tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kế toán, kiểm toán và tài chính trong hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp và các tổ chức khác. Bên cạnh đó chương trình đào tạo hướng đến việc đào tạo người học có đạo đức, có trách nhiệm nghề nghiệp, hiểu biết xã hội, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, có khả năng tự học để thích ứng với sự thay đổi, phát triển không ngừng của môi trường kinh tế trong quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

- **M01:**Cung cấp kiến thức về văn hóa, chính trị, xã hội, pháp luật phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và yêu cầu phát triển đất nước, nâng cao khả năng đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.
- **M02:**Trang bị kỹ năng mềm nhằm phát triển các năng lực cá nhân phù hợp với môi trường công việc kinh doanh, sáng tạo và năng động.
- **M03:**Cung cấp kiến thức và trang bị kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.
- **M04:**Cung cấp kiến thức cơ bản về kinh tế nhằm hình thành phương pháp luận khoa học để đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.
- **M05:**Cung cấp kiến thức chuyên ngành về kế toán, kiểm toán và tài chính doanh nghiệp.
- **M06:**Trang bị kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề kế toán, kiểm toán phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp theo hướng tiếp cận với chuẩn mực chung của khu vực và thế giới.

Cơ hội việc làm

Với những kiến thức được trang bị một cách cơ bản và chuyên sâu, sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Kế toán sẽ có nhiều lựa chọn để làm việc trong những lĩnh vực và đảm nhận các vị trí công việc khác nhau. Cụ thể, cử nhân ngành Kế toán có thể làm việc trong các lĩnh vực sản xuất, thương mại và dịch vụ; hành chính sự nghiệp; dịch vụ công cộng và đảm nhận vị trí chuyên viên kế toán, kiểm toán, tài chính của doanh nghiệp và các tổ chức khác. Ngoài ra, cử nhân ngành Kế toán có khả năng hoàn thành tốt công việc ở vị trí kế toán tổng hợp, kế toán trưởng hoặc kế toán quản trị cũng như có thể tham gia công tác giảng dạy chuyên ngành Kế toán tại các cơ sở đào tạo khi được trang bị bổ sung kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo qui chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Đại học Đà Lạt.

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, THANG ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2014.

4. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO NĂNG LỰC

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kế toán bao gồm 10 chuẩn đầu ra trong đó 4 chuẩn đầu ra đầu tiên ứng với giáo dục đại cương và 6 chuẩn đầu ra còn lại ứng với giáo dục chuyên nghiệp.

Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Kế toán sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra sau đây:

Chuẩn đầu ra giáo dục đại cương

- **C01: Kiến thức về văn hóa, chính trị, xã hội, pháp luật.**

Hiểu được kiến thức về văn hóa, chính trị, xã hội, pháp luật phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và yêu cầu phát triển đất nước, nâng cao khả năng đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.

- **C02: Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác.**

Vận dụng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác để làm việc hiệu quả và thích nghi với sự thay đổi liên tục của các hoạt động kinh tế.

- **C03: Tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.**

Hình thành tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với pháp luật và xã hội.

- **C04: Sử dụng tiếng Anh cơ bản.**

Sử dụng tiếng Anh (hoặc ngoại ngữ khác) ở mức độ giao tiếp và đọc hiểu tài liệu cơ bản.

Chuẩn đầu ra giáo dục chuyên nghiệp

- **C05: Kiến thức kinh tế cơ bản.**

Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế.

- **C06: Kiến thức chuyên ngành Kế toán.**

Nắm vững kiến thức chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Trong đó người học được lựa chọn trang bị một lượng kiến thức chuyên sâu theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.

- **C07: Vận dụng kiến thức chuyên ngành.**

Vận dụng kiến thức chuyên ngành kế toán, kiểm toán để giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác kế toán, kiểm toán của doanh nghiệp hoặc các tổ chức khác.

- **C08: Phối hợp các kỹ năng chuyên môn.**

Phối hợp các kỹ năng nghề nghiệp, tư duy logic, nhận định tình huống, phát hiện và ra quyết định nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác kế toán, kiểm toán và quản lý tài chính của doanh nghiệp. Hoạch định và tổ chức công tác kiểm soát, kiểm tra kế toán trong các tổ chức.

- **C09: Tự học tập, nghiên cứu.**

Phân tích, tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để thực hiện hoạt động tự học tập, tự nghiên cứu.

- **C10: Sử dụng các phần mềm ứng dụng trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.**

Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán trong thực hành nghề nghiệp chuyên môn và một số phần mềm khác phục vụ hoạt động nghiên cứu (SPSS, Stata,...).

5. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu ra		Mục tiêu đào tạo					
		01	02	03	04	05	06
Chuẩn đầu ra GD đại cương							
1	Kiến thức về văn hóa, chính trị, xã hội, pháp luật	X					
2	Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác		X				
3	Tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp	X					
4	Sử dụng tiếng Anh cơ bản			X			
Chuẩn đầu ra GD chuyên nghiệp							
5	Kiến thức kinh tế cơ bản				X		
6	Kiến thức chuyên ngành Kế toán					X	
7	Vận dụng kiến thức chuyên ngành					X	
8	Phối hợp các kỹ năng chuyên môn						X

9	Tự học tập, nghiên cứu						X
10	Sử dụng các phần mềm ứng dụng trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp			X			

6. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO KHUNG CDIO CẤP ĐỘ 3

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kế toán được phân thành 4 nhóm bao gồm:

- Kiến thức và lập luận ngành.
- Các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp.
- Các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp.
- Năng lực áp dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn để đem lại lợi ích cho xã hội.

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Kế toán sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra ứng với 4 nhóm trên như sau:

1. Kiến thức và lập luận ngành

1.1 Kiến thức giáo dục đại cương

1.1.1 Hiểu biết về những nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh để góp phần hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức của cá nhân, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng để đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững của xã hội.

1.1.2 Hiểu và áp dụng các kiến thức về an ninh, quốc phòng và giáo dục thể chất để biết cách rèn luyện, phát triển sức khỏe thể chất, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ đất nước.

1.1.3 Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh kinh doanh, có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong công việc ở mức độ cơ bản.

1.1.4 Hiểu được các nội dung cơ bản về ma trận, định thức, các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính, vector trong không gian, không gian con, cơ sở, số chiều, tọa độ, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương, phép tính vi tích phân hàm một biến, phép tính vi phân hàm nhiều biến, phương trình vi phân thường để làm cơ sở cho việc nghiên cứu các học phần giáo dục chuyên nghiệp.

1.1.5 Nắm vững các kiến thức thống kê ứng dụng và biết cách áp dụng chúng vào việc tổ chức và trình bày dữ liệu trong quản trị doanh nghiệp, phân tích các dữ liệu thống kê trong nghiên cứu thị trường, khách hàng,...

1.1.6 Nắm bắt được các vấn đề cơ bản về nguồn gốc ra đời của nhà nước, nguồn gốc ra đời của pháp luật. Hiểu được những quy định cơ bản về các ngành luật của Việt Nam (Luật Hình sự và tổ tụng hình sự, Luật Dân sự và tổ tụng dân sự, Luật Hiến pháp, Luật Hành chính và tổ tụng hành chính, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Thương mại, Luật Lao động,...) nhằm hỗ trợ cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn ở giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp

1.1.7 Nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề nghiên cứu, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu.

1.1.8 Hiểu biết các khái niệm căn bản về tăng trưởng và phát triển kinh tế, nghèo đói và bất bình đẳng, tri thức, toàn cầu hóa,... Phân tích các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, những vấn đề trở ngại và khó khăn của các nước đang phát triển. Nắm vững các lý thuyết và các mô hình tăng trưởng và giải thích được lý do một quốc gia tăng trưởng nhanh hơn một quốc gia khác cũng như khả năng áp dụng kinh nghiệm của các nước phát triển cho các nước đang phát triển. Biết cách tính các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển.

1.1.9 Nắm vững các học thuyết về thương mại quốc tế để giải thích được lý do của quan hệ thương mại giữa các quốc gia. Phân tích được chính sách chung của các quốc gia và quốc tế trong thương mại quốc tế, các tác động về kinh tế đến các đối tượng có liên quan khi quốc gia sử dụng các rào cản thương mại quốc tế, xu hướng liên kết kinh tế quốc tế.

1.1.10 Hiểu được hành vi cá nhân trong tổ chức, những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. Chuẩn bị những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để thích nghi với văn hoá doanh nghiệp, phát triển bản thân trong các tổ chức khác nhau. Phân tích được các hiện tượng xung đột xảy ra trong tổ chức và đề xuất hướng giải quyết.

1.1.11 Nắm vững các kiến thức cơ bản và các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh. Phát triển và ứng dụng vào thực tế để tăng cường hiệu quả của việc xử lý và truyền đạt thông tin đến các thành viên trong tổ chức cũng như khách hàng của doanh nghiệp một cách hiệu quả.

1.1.12 .Hiểu rõ về hệ thống văn bản, cách thức tạo lập và quản lý hồ sơ công việc, những khó khăn trở ngại và cách thức để cải tiến và kiểm soát các công việc hành chính. Biết cách soạn thảo các văn bản thông dụng của doanh nghiệp trong hoạt động hàng ngày. Áp dụng kiến thức đã học để quản lý các hoạt động hành chính, sự vụ.

1.2 Kiến thức cơ sở ngành

1.2.1 Nắm vững các khái niệm nền tảng về kinh tế như cung, cầu, giá cả thị trường, hàm sản xuất, chi phí sản xuất, cấu trúc thị trường, tổng cung, tổng cầu, sản lượng quốc gia, tăng trưởng, suy thoái, lạm phát, thất nghiệp, tiền tệ, lưu thông tiền tệ, tín dụng, các định chế tài chính trung gian,...Hiểu được những quy luật cơ bản của kinh tế thị trường, nguyên lý lựa chọn tối ưu, tác động của các chính sách của chính phủ đến thị trường, đến nền kinh tế.

1.2.2 Vận dụng cơ sở lý thuyết kinh tế học vi mô và vĩ mô, lý thuyết tài chính tiền tệ để phân tích và giải thích các hiện tượng kinh tế diễn ra trong thực tế.

1.2.3 Nắm vững các chức năng của quản trị và vận dụng kiến thức quản trị học để giải quyết một số vấn đề và tình huống cơ bản trong thực tiễn công việc.

1.2.4 Hiểu rõ những khái niệm cơ bản trong lĩnh vực marketing, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của công tác marketing trong doanh nghiệp.

1.2.5 Vận dụng những hiểu biết về hành vi mua của khách hàng, lựa chọn thị trường mục tiêu và chiến lược marketing hỗn hợp để tìm hiểu và phân tích hoạt động marketing của doanh nghiệp. Bước đầu hình thành một số kỹ năng cần thiết của người làm công tác marketing.

1.2.6 Hiểu được các khái niệm, nguyên tắc, nhiệm vụ, đối tượng,... của kế toán để thực hiện hạch toán được một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tính giá thành sản phẩm hoàn thành, lập các báo cáo tài chính.

1.3 Kiến thức ngành

Phần kiến thức bắt buộc

1.3.1 Hiểu và vận dụng được những kiến thức về pháp luật doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh. Các hoạt động thương mại, hợp đồng thương mại, mua bán hàng hoá qua sở giao dịch, đấu giá, đấu thầu hàng hoá, vấn đề cạnh tranh theo quy định của pháp luật trong nền kinh tế thị trường, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm trọng tài thương mại và toà án,...

1.3.2 Hạch toán kế toán tài sản ngắn hạn và dài hạn, vốn bằng tiền và các khoản ứng trước, vật tư, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hạch toán kế toán chi phí sản xuất. Đánh giá sản phẩm dở dang. Tính giá thành sản phẩm hoàn thành. Nhận dạng các chứng từ phát sinh trong mỗi nghiệp vụ kế toán.

1.3.3 Hệ thống hóa được lý thuyết chi phí và sử dụng nó để áp dụng vào các mô hình phân tích chi phí có liên quan. Hiểu được mối quan hệ chi phí, khối lượng, lợi nhuận và sử dụng các thông tin thích hợp để phân tích và ra quyết định kinh doanh trong doanh nghiệp. Lập được dự toán ngân sách ngắn hạn và dài hạn nhằm kiểm soát và đánh giá các hoạt động trong doanh nghiệp.

1.3.4 Nắm vững các khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc phân tích, đánh giá tình hình tài chính và ra quyết định về tài chính của doanh nghiệp: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức.

1.3.5 Hiểu rõ nguyên tắc, phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp. Thành thạo kỹ năng hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở các phần hành kế toán khác nhau tại các doanh nghiệp sản xuất, các doanh nghiệp thương mại kinh doanh mua bán hàng hoá trong nước, kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh dịch vụ và trong lĩnh vực hoạt động đầu tư tài chính, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù như xây lắp, nông nghiệp, nhà hàng, khách sạn.

1.3.6 Thực hiện được việc kê khai thuế, một số thủ tục khác về thuế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sử dụng các công cụ hỗ trợ kê khai thuế như HTKK, iHTKK,... thông qua việc nắm vững khái niệm, nguyên tắc và phương pháp tính thuế các loại thuế phổ biến.

1.3.7 Vận dụng các kiến thức căn bản về kế toán thuế và báo cáo thuế để thực hiện việc thu thập, lập, xử lý chứng từ, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế. Biết cách cập nhật các thay đổi về các luật thuế, ví dụ như thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế TNDN, thuế TNCN, luật quản lý thuế. Thiết lập được hệ thống các báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

1.3.8 Phân biệt được các thuật ngữ như hệ thống, hệ thống thông tin và hệ thống thông tin kế toán; biết được những kiến thức về cơ sở dữ liệu của các chương trình kế toán. Nắm vững quy trình thiết lập hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

1.3.9 Nắm được những kiến thức cơ bản trong kiểm toán như: các khái niệm, các loại hình kiểm toán bao gồm kiểm toán độc lập, kiểm toán nhà nước, kiểm toán nội bộ, lịch sử ra đời và phát triển của hoạt động kiểm toán,...

1.3.10 Nắm vững các nguyên tắc hoạt động cơ bản của một số phần mềm kế toán để làm chủ được việc nhập liệu, lưu trữ và kết xuất báo cáo. Hiểu được các quy trình về an toàn và bảo mật số liệu kế toán trên máy vi tính. Sử dụng thành thạo một số phần mềm kế toán doanh nghiệp phổ biến tại Việt Nam.

1.3.11 Nắm vững những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp và vận dụng vào thực tế công tác kế toán tại các đơn vị này, cụ thể là tổ chức hệ thống thông tin bằng số liệu để quản lý và kiểm soát nguồn kinh phí, tình hình sử dụng, quyết toán kinh phí, tình hình quản lý và sử dụng các loại vật tư, tài sản công; tình hình chấp hành dự toán thu, chi và thực hiện các tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước ở đơn vị; lập các báo cáo tài chính. Sử dụng được các phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp phổ biến tại Việt Nam.

1.3.12 Cung cấp kiến thức tổng quát về những vấn đề lý luận liên quan đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp, rèn luyện kỹ năng thực hành về kế toán chi phí.

1.3.13 Hình thành các kỹ năng mềm trong các lĩnh vực như khởi sự doanh nghiệp, xây dựng đề án kinh doanh; đàm phán với đối tác và khách hàng; thích nghi với sự thay đổi thường xuyên của môi trường kinh doanh...

1.3.14 Nắm vững phương pháp và kỹ thuật phân tích số liệu về chi phí, giá thành, doanh thu, lợi nhuận, báo cáo tài chính doanh nghiệp.

Phân kiến thức tự chọn

1.3.15 Hiểu được các khái niệm, các thuật ngữ có liên quan đến kế toán ngân sách và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước. Nắm vững nguyên tắc hạch toán, cách sử dụng các tài khoản trong kế toán ngân sách. Thực hành hạch toán được các nghiệp vụ đơn giản và có khả năng suy luận đề hạch toán được các nghiệp vụ phức tạp. Phân biệt được những điểm khác biệt giữa kế toán ngân sách (kế toán công) và kế toán doanh nghiệp.

1.3.16 . Thiết kế và tổ chức công tác kiểm soát, kiểm tra kế toán trong các tổ chức. Có kỹ năng vận dụng các phương pháp, quy trình kiểm toán để thực hiện hoạt động kiểm toán cụ thể đối với từng khoản mục trong các cuộc kiểm toán.

1.3.17 Nắm vững phương pháp và kỹ thuật phân tích số liệu về chi phí, giá thành, doanh thu, lợi nhuận, báo cáo tài chính doanh nghiệp. Biết sử dụng phần mềm hỗ trợ để phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đề xuất các giải pháp thích hợp.

1.3.18 Nắm vững các kiến thức cơ bản về tỷ giá và thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế, các phương tiện và phương thức thanh toán chủ yếu và các nghiệp vụ tín dụng, tài trợ thương mại trong ngoại thương, phòng ngừa rủi ro tỷ giá tại các doanh nghiệp và Ngân hàng thương mại. Hiểu rõ và thực hiện nghiệp vụ thanh toán trong các giao dịch xuất nhập khẩu.

1.3.19 Nắm vững cách thức ghi chép các loại nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp và xây dựng hệ thống kế toán riêng cho phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp theo mô hình kế toán quốc tế.

1.3.20 Cung cấp kiến thức, kỹ năng về ứng dụng phần mềm kế toán trong đơn vị, vận dụng được kỹ năng nghề trong thực hiện phần mềm kế toán Hành chính sự nghiệp.

1.3.21 Giải thích được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực ngân hàng (tài sản nợ, tài sản có, thanh khoản, bảo lãnh,...). Mô tả được các quy trình nghiệp vụ của ngân hàng thương mại. Hiểu được cách sử dụng các công cụ cơ bản trong việc thực hành nghiệp vụ ngân hàng thương mại (mẫu biểu, công thức tính,...). Thực hiện được một số nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng thương mại.

1.3.22 Nắm vững các kiến thức về điều kiện Thương mại quốc tế (Incoterms), cách soạn thảo thư tín thương mại trong thương lượng, đàm phán ngoại thương, cách thức xây dựng các điều khoản của một hợp đồng ngoại thương chuẩn bằng tiếng Anh, cách thức tổ chức thực hiện hợp đồng XNK với các nghiệp vụ thuê tàu, nghiệp vụ bảo hiểm, thủ tục khai báo hải quan và các phương thức thanh toán quốc tế áp dụng trong ngoại thương để có thể làm việc tốt trong các doanh nghiệp XNK, các hãng tàu, các công ty bảo hiểm, công ty giao nhận, các ngân hàng thương mại (bộ phận TTQT),... Có thể thực hiện trọn vẹn một giao dịch ngoại thương

1.3.23 Nhận biết tổng thể về thị trường chứng khoán, nắm được nguyên tắc hoạt động của thị trường. Phân biệt được sự khác biệt giữa thị trường tiền tệ với thị trường chứng khoán, phân biệt được các loại hàng hóa trên thị trường chứng khoán hoạt động mua bán, đầu tư chứng khoán sau này. Hiểu được chức năng và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường: công ty chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán,..., và các đơn vị hỗ trợ: trung tâm lưu ký, đăng ký thanh toán bù trừ, hệ thống thông tin.

1.3.24 Hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, các loại hàng hóa được giao dịch trên thị trường (cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh). Hình thành kỹ năng phân tích các số liệu để xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả dựa trên lý thuyết về quản lý danh mục đầu tư và lý thuyết về thị trường hiệu quả.

1.4 Kiến thức bổ trợ

1.4.1 Nắm được các nguyên tắc căn bản trong phân tích kinh tế lượng. Hiểu được các giả định nền tảng của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các kỹ thuật căn bản và các ứng dụng khác nhau có liên quan đến ước lượng hồi quy tuyến tính. Nhận dạng và sửa chữa một số lỗi thông thường của mô hình hồi quy. Ứng dụng phân tích hồi quy vào các vấn đề kinh tế và xử lý các tập dữ liệu thực tế để kiểm định giả thuyết và dự báo.

1.4.2 Hiểu được hành vi cá nhân trong tổ chức, những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. Chuẩn bị những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để thích nghi với văn hoá doanh nghiệp, phát triển bản thân trong các tổ chức khác nhau. Phân tích được các hiện tượng xung đột xảy ra trong tổ chức và đề xuất hướng giải quyết.

1.4.3 Hiểu các khái niệm liên quan đến khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, các thành tố của hệ sinh thái khởi nghiệp và một số mô hình kinh doanh mới. Vận dụng các công cụ, kỹ thuật thực hành trong khởi nghiệp tinh gọn. Xây dựng đề án kinh doanh.

1.4.4 Có khả năng vận dụng tổng hợp các kiến thức ngành đã tích lũy vào hoạt động thực hành nghề nghiệp tại một doanh nghiệp cụ thể. Có khả năng đối chiếu, so sánh giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn công việc. Tổng hợp lý thuyết và thực tế để hoàn thiện một đề tài về kế toán, kiểm toán cụ thể của doanh nghiệp. Qua đó củng cố kiến thức ngành đã học, nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp đồng thời có định hướng rõ hơn về nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

1.4.5 Hiểu biết tổng quan về thương mại điện tử, một số mô hình thương mại điện tử, cách thức giao dịch trong thương mại điện tử, marketing điện tử, thanh toán điện tử, vấn đề an toàn và pháp lý trong giao dịch thương mại điện tử. Phân tích được những tình huống từ thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại điện tử.

1.4.6 Thông qua việc vận dụng kiến thức ngành đã học để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học trong thực tế từ đó hình thành kỹ năng thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học và nắm vững kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu đã chọn.

2. Các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp

2.1 Lập luận, phân tích và xử lý các vấn đề liên quan đến công tác kế toán

2.1.1 Biết lập, kiểm tra, tổ chức luân chuyển các loại chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán, lập và phân tích các báo cáo tài chính bằng thủ công, bằng phần mềm Microsoft Excel, các phần mềm kế toán phổ biến.

2.1.2 Biết lập và báo cáo quyết toán các loại thuế chủ yếu (thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân,...).

2.1.3 Tham gia công tác kiểm tra kế toán, kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp.

2.1.4 Tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về các lĩnh vực như: kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

2.1.5 Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ về kế toán.

2.2 Nghiên cứu và khám phá tri thức

2.2.1 Biết cách xây dựng các giả thuyết.

2.2.2 Có khả năng tìm kiếm và tổng hợp tài liệu.

2.2.3 Có khả năng tổ chức triển khai nghiên cứu thực địa.

2.2.4 Có kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin.

2.2.5 Biết kiểm định các giả thuyết.

2.2.6 Ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn.

2.3 Tư duy hệ thống

2.3.1 Nhận biết các vấn đề một cách hệ thống, toàn diện, đa chiều.

2.3.2 Phát hiện các vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề.

2.3.3 Chọn lọc, sắp xếp và xác định vấn đề ưu tiên.

2.3.4 Phân tích các phương án và đề xuất phương án giải quyết tối ưu.

2.4 Thái độ, cách tư duy và ý thức học tập

2.4.1 Thể hiện sự sẵn sàng ra quyết định và chấp nhận rủi ro.

2.4.2 Thể hiện tính kiên trì, linh hoạt, tự tin, nhiệt tình và say mê công việc.

2.4.3 Vận dụng tư duy sáng tạo trong giải quyết vấn đề.

2.4.4 Vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết vấn đề.

2.4.5 Có khả năng tìm hiểu và khả năng học tập, rèn luyện suốt đời.

2.4.6 Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực.

2.5 Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác

2.5.1 Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm và đáng tin cậy.

2.5.2 Thể hiện thái độ và hành vi ứng xử chuyên nghiệp.

2.5.3 Lập kế hoạch, xác định mục tiêu cho nghề nghiệp của bản thân.

2.5.4 Có khả năng tổ chức, sắp xếp công việc.

2.5.5 Thể hiện khả năng làm việc độc lập.

2.5.6 Chọn lọc và cập nhật kiến thức trong lĩnh vực chuyên môn.

3. Các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

3.1 Làm việc nhóm

3.1.1 Thực hiện thành lập nhóm.

3.1.2 Tổ chức hoạt động nhóm.

3.1.3 Lãnh đạo nhóm.

3.1.4 Phát triển nhóm.

3.1.5 Kỹ năng phối hợp giữa các nhóm khác nhau.

3.2 Giao tiếp

3.2.1 Chọn lựa chiến lược giao tiếp.

3.2.2 Xây dựng cấu trúc giao tiếp.

3.2.3 Áp dụng các hình thức giao tiếp (giao tiếp bằng văn bản, bằng hình ảnh, giao tiếp qua thư điện tử, qua các phương tiện truyền thông,...).

3.2.4 Có khả năng thuyết trình hiệu quả.

3.2.5 Có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân.

3.2.6 Có kỹ năng đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột.

3.2.7 Biết yêu cầu thông tin, lắng nghe tích cực và đối thoại hiệu quả.

3.2.8 Có khả năng vận động, thuyết phục.

3.2.9 Có khả năng thiết lập các liên kết và mạng liên kết đa dạng.

3.3 Giao tiếp bằng ngoại ngữ

3.3.1 Có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác.

4. Năng lực áp dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn để đem lại lợi ích cho xã hội

4.1 Bối cảnh xã hội

4.1.1 Hiểu biết vai trò và trách nhiệm của cử nhân Kế toán.

4.1.2 Hiểu biết tác động của hoạt động kinh tế đến xã hội.

4.1.3 Nắm bắt được các yêu cầu của xã hội đối với doanh nghiệp.

4.1.4 Hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc.

4.1.5 Nắm bắt các vấn đề và giá trị của thời đại.

4.1.6 Nhận biết được bối cảnh toàn cầu.

4.2 Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh

4.2.1 Hiểu biết và thích ứng với văn hóa doanh nghiệp.

4.2.2 Nắm bắt được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch chung của doanh nghiệp.

4.2.3 Nhận thức mối quan hệ giữa doanh nghiệp và các vấn đề kinh tế.

4.3 Hình thành ý tưởng xây dựng hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ

4.3.1 Thiết lập hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ (dựa trên nhu cầu và bối cảnh xã hội).

4.3.2 Sử dụng các quy định, chuẩn mực cơ bản làm nền tảng.

4.3.3 Mô hình hóa ý tưởng và đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

4.4 Thiết kế hệ thống

4.4.1 Xây dựng và phân tích quy trình thiết kế hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ.

4.4.2 Vận dụng kiến thức chuyên môn trong thiết kế hệ thống.

4.4.3 Thực hiện thiết kế hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ.

4.4.4 Có hiểu biết về thiết kế hệ thống đa mục tiêu.

4.5 Triển khai hệ thống

4.5.1 Lập kế hoạch cho quá trình triển khai hệ thống.

4.5.2 Xác định và lựa chọn nguồn lực thực hiện.

4.5.3 Tổ chức triển khai thực hiện hệ thống.

4.6 Đánh giá hệ thống

4.6.1 Thiết kế các tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện.

4.6.2 Đánh giá kết quả thực hiện.

4.6.3 Điều chỉnh hệ thống.

4.6.4 Phát triển các hệ thống mới.

7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế với khối lượng toàn khóa là 130 tín chỉ (không tính số tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Cấu trúc các khối kiến thức cấu tạo nên chương trình đào tạo ngành Kế toán và khối lượng tín chỉ được phân bố cho các khối kiến thức như sau:

Các khối kiến thức	Số tín chỉ
---------------------------	-------------------

		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
A - Kiến thức giáo dục đại cương		44	29	15
A1	Lý luận chính trị	11	11	0
A2	Giáo dục thể chất	(3)	(3)	(0)
A3	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(8.5)	(8.5)	(0)
A4	Ngoại ngữ chuyên ngành	6	6	0
A5	Toán học, Tin học, Khoa học tự nhiên	6	6	
A6	Khoa học xã hội và nhân văn	21	6	15
B - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		125	65	60
B1	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	
B2	Kiến thức ngành	77	47	30
B3	Kiến thức bổ trợ	30		30
Tổng cộng		169	94	75

Để đạt yêu cầu công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy tối thiểu số tín chỉ như sau:

Các khối kiến thức		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
A - Kiến thức giáo dục đại cương		41	29	12
A1	Lý luận chính trị	11	11	0
A2	Giáo dục thể chất	(3)	(3)	(0)
A3	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(8.5)	(8.5)	(0)
A4	Ngoại ngữ chuyên ngành	6	6	0
A5	Toán học, Tin học, Khoa học tự nhiên	6	6	0
A6	Khoa học xã hội và nhân văn	18	6	12
B - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		90	65	25

B1	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	0
B2	Kiến thức ngành	72	47	25
B3	Kiến thức bổ trợ		0	
Tổng cộng		131	94	37

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1 Kiến thức giáo dục đại cương (44 tín chỉ)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
Phần kiến thức bắt buộc			29		
A1 Lý luận chính trị			11		
1	LC1101	Triết học Mác – Lê nin <i>Marxist-Leninist Phylosophy</i>	3	3	0
2	LC1102	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin <i>Marxist-Leninist Political Economy</i>	2	2	0
3	LC2101	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Social Science</i>	2	2	0
4	LC2102	Lịch sử Đảng CSVN <i>Vietnamese Communist Party History</i>	2	2	0
5	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>HoChiMinh thought</i>	2	2	0
A2 Giáo dục thể chất			(3)		
6	TC1001	Giáo dục thể chất 1 <i>Physical Education 1</i>	1	0	1
7	TC1002	Giáo dục thể chất 2 <i>Physical Education 2</i>	1	0	1
8	TC2003	Giáo dục thể chất 3 <i>Physical Education 3</i>	1	0	1
A3 Giáo dục quốc phòng và an ninh			(8.5)		
9	QP2101	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 <i>National Defense and Security Education 1</i>	(3)	(3)	(0)
10	QP2102	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	(2)	(2)	(0)

		National Defense and Security Education 2			
11	QP2103	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3 National Defense and Security Education 3	(1,5)	(1)	(0,5)
12	QP2104	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4 National Defense and Security Education 4	(2)	(0)	(2)
	A4	Ngoại ngữ	6		
13	QK1001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 Business english 1	3	2	1
14	QK1002	Tiếng Anh chuyên ngành 2 Business english 2	3	2	1
	A5	Toán học, Tin học, KH tự nhiên	6		
15	TN1252	Toán kinh tế Maths for Economics	3	2	1
16	QT2301	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Applied Business Statistics)	3	2	1
	A6	KH xã hội và nhân văn	6		
17	LH1001	Pháp luật đại cương General Laws	3	3	0
18	QT2004	Phương pháp nghiên cứu kinh tế (Research methods in Economics)	3	2	1
	Phần kiến thức tự chọn		15		
	A6	KH xã hội và nhân văn	15		
19	QT2006	Kinh tế phát triển (Development Economics)	3	3	0
20	QT2005	Kinh tế quốc tế (International Economics)	3	3	0
21	QT4307	Trách nhiệm XH& đạo đức kinh doanh (Corporate Social Responsibility and Business Ethics)	3	2	1
22	QT2209	Hành vi tổ chức	3	3	0

		(Organizational Behaviour)			
23	QT1002	Quản trị hành chính văn phòng (Office management)	3	2	1

8.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
Phần kiến thức bắt buộc			65		
	B1	Kiến thức cơ sở ngành	18		
1	QT1101	Kinh tế vi mô (Micro-economics)	3	2	1
2	QT1102	Kinh tế vĩ mô (Macro-economics)	3	3	0
3	QT1103	Quản trị học (Management)	3	2	1
4	QT1104	Nguyên lý Marketing (Principles of Marketing)	3	2	1
5	QT2106	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	2	1
6	QT2105	Lý thuyết tài chính – tiền tệ (Theory of Money and Finance)	3	2	1
	B2	Kiến thức ngành	47		
7	QT2201	Luật kinh tế (Business Laws)	3	3	0
8	KT2202	Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)	3	2	1
9	QT2202	Thuế vụ (Taxation)	3	2	1
10	QT3203	Kế toán quản trị (Management Accounting)	3	2	1
11	QT3204	Quản trị tài chính doanh nghiệp (Corporate Financial Management)	3	2	1

12	KT3203	Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting 2)	3	2	1
13	KT3204	Kế toán tài chính 3 (Financial Accounting 3)	3	2	1
14	KT3206	Kế toán tài chính 4 (Financial Accounting 4)	3	2	1
15	KT3207	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information Systems)	3	2	1
16	KT3208	Lý thuyết kiểm toán (Auditing Theory)	3	2	1
17	KT3209	Ứng dụng CNTT trong kế toán DN 1 (Applied Information Technologies in Corporate Accounting 1)	2	0	2
18	KT3213	Kế toán hành chính sự nghiệp (Accounting for Public Organizations)	3	2	1
19	KT4217	Kế toán chi phí (Cost Accounting)	3	2	1
20	KT3214	Ứng dụng CNTT trong kế toán DN 2 (Applied Information Technology in Corporate Accounting 2)	3	2	1
21	QT4211	Kỹ năng quản trị (Management Skills)	3	2	1
22	KT4222	Phân tích báo cáo tài chính (Financial Statements Analysis)	3	2	1
Phần kiến thức tự chọn			60		
	B2	Kiến thức ngành	30		
23	KT3212	Kế toán ngân sách	3	2	1

		(Budgeting Accounting)			
24	KT4220	Nghiệp vụ kiểm toán (Applied Auditing)	3	2	1
25	QT3213	Phân tích hoạt động kinh doanh (Business Analytics)	3	2	1
26	QT3215	Thanh toán quốc tế (International Settlement Procedures and Practices)	3	2	1
27	KT4218	Kế toán quốc tế (American Accounting)	3	2	1
28	KT4219	Thực hành kế toán HCSN (Applied Accounting for Public Organizations)	3	2	1
29	QT4247	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Commercial Banking practices)	3	2	1
30	QT3216	Nghiệp vụ ngoại thương (Foreign Trade- Procedures and Practices)	3	2	1
31	QT4311	Thị trường chứng khoán (Financial markets)	3	2	1
32	QT4312	Đầu tư tài chính (Investments)	3	2	1
	B3	Kiến thức bổ trợ	30		
33	QT3222	Kinh tế lượng (Econometrics)	3	2	1
34	QT2010	Hành vi khách hàng Consumer behavior	3	2	1
35	QT1250	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (Innovation and Entrepreneurship)	3	2	1
36	KT2401	Thực tập thực tế 1 (Internship 1)	3	0	3

37	KT3402	Thực tập thực tế 2 (Internship 2)	3	0	3
38	KT3501	Chuyên đề tốt nghiệp (Graduation Project)	5	0	5
39	QT4310	Thương mại điện tử (Electronic Commerce)	3	2	1
40	KT4479	Khoá luận (Thesis)	7	0	7

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

9.1 Sự phối hợp giữa giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp

HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK HÈ	HK 5	HK 6	HK HÈ	HK 7	HK 8
Kiến thức GD đại cương									
Kiến thức GD chuyên nghiệp									
				Thực tập			Thực tập		
							Khóa luận		

9.2 Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

HỌC KỲ 1						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			15	12	2	
1	TC1001	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	
2	LC1101	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	
3	QT1104	Nguyên lý Marketing	3	2	1	
4	QT1103	Quản trị học	3	3	0	
5	LH1001	Pháp luật đại cương	3	3	0	
6	QT1101	Kinh tế vi mô	3	2	1	
Tổng số			15	12	2	

HỌC KỲ 2						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			17	13	4	
1	TC1002	Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông	(1)	(0)	(1)	
2	TC1002	Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông	(1)	(0)	(1)	
3	TC1003	Giáo dục thể chất 2 – Bóng bàn	(1)	(0)	(1)	
4	TC1004	Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá	(1)	(0)	(1)	
5	TC1005	Giáo dục thể chất 2 – Bóng ném	(1)	(0)	(1)	
6	LC1102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
7	QT1102	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	
8	TN1252	Toán kinh tế	3	2	1	
9	QT2105	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3	2	1	
10	QT2106	Nguyên lý kế toán	3	2	1	
11	QT2201	Luật kinh tế	3	3	0	
SV nên chọn 02 HP trong danh sách sau:			9	8	1	
8	QT2006	Kinh tế phát triển	3	3	0	
9	QT1002	Quản trị hành chính văn phòng	3	2	1	
10	QT2005	Kinh tế quốc tế	3	3	0	
Tổng số			26	21	5	

HỌC KỲ 3						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			11	8	3	
1	QP2101	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	(3)	(3)	(0)	
2	QP2102	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	(2)	(2)	(0)	
3	QP2103	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3	(1,5)	(1)	(0,5)	
4	QP2104	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4	(2)	(0)	(2)	
5	TC2003	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	
6	QT2301	Thông kê ứng dụng trong kinh doanh	3	2	1	
7	QT4211	Kỹ năng quản trị	3	2	1	
8	KT2202	Kế toán tài chính 1	3	2	1	
9	LC2101	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	

<i>SV chọn 02 HP trong danh sách sau, nên chọn HP theo định hướng ngành:</i>			9	7	2	
10	QT2209	Hành vi tổ chức	3	3	0	
11	QT3215	Thanh toán quốc tế	3	2	1	
12	QT2010	Hành vi khách hàng	3	2	1	
Tổng số			20	15	5	

HỌC KỲ 4						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			17	13	4	
1	LC2102	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	0	
2	KT3203	Kế toán tài chính 2	3	2	1	
3	QK1001	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	3	0	
4	QT2202	Thuế vụ	3	2	1	
5	QT2004	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	2	1	
6	KT3208	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1	
<i>SV chọn 01 HP trong danh sách sau, nên chọn HP theo định hướng ngành:</i>			6	4	2	
7	QT4307	Trách nhiệm XH và đạo đức kinh doanh	3	2	1	
8	QT1250	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	2	1	
Tổng số			23	17	6	

HỌC KỲ HÈ NĂM 2						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			3	0	3	
1	KT2401	Thực tập thực tế 1	3	0	3	
Tổng số			3	0	3	

HỌC KỲ 5						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú

HỌC KỲ 5						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			14	10	4	
1	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
2	KT3204	Kế toán tài chính 3	3	2	1	
3	KT3207	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	
4	QT3204	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
5	QK1002	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	1	
<i>SV nên chọn 02 HP tự chọn trong danh sách sau:</i>			9	6	3	
6	QT4247	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	2	1	
7	QT4310	Thương mại điện tử	3	2	1	
8	QT3216	Nghiệp vụ ngoại thương	3	2	1	
Tổng số			23	16	7	

HỌC KỲ 6						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			20	12	8	
1	KT3206	Kế toán tài chính 4	3	2	1	
2	KT3209	Ứng dụng CNTT trong kế toán DN 1	2	0	2	
3	QT3203	Kế toán quản trị	3	2	1	
4	KT3213	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	1	
5	KT4217	Kế toán chi phí	3	2	1	
6	KT3214	Ứng dụng CNTT trong kế toán DN 2	3	2	1	
7	KT4222	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1	
<i>SV nên chọn 01 HP tự chọn trong danh sách sau:</i>			6	4	2	
7	QT4311	Thị trường chứng khoán	3	2	1	
8	QT3213	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2	1	
Tổng số			26	16	10	

HỌC KỲ HÈ NĂM 3						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			3	0	3	

1	KT3402	Thực tập thực tế 2	3	0	3	
Tổng số			3	0	3	

HỌC KỲ 7						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>SV nên chọn 4 HP tự chọn trong danh sách sau:</i>			18	12	6	
1	QT4312	Đầu tư tài chính	3	2	1	
2	KT4418	Kế toán quốc tế	3	2	1	
3	KT4219	Thực hành kế toán HCSN	3	2	1	
4	KT3212	Kế toán ngân sách	3	2	1	
5	QT3222	Kinh tế lượng	3	2	1	
6	KT4220	Nghiệp vụ kiểm toán	3	2	1	
Tổng số			18	12	6	

HỌC KỲ 8						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>SV nên chọn 4HP tự chọn trong danh sách sau</i>			12	0	12	
1	KT3501	Chuyên đề tốt nghiệp	5	0	5	
2	KT4479	Khóa luận	7	0	7	
Tổng số			12	0	12	

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được xây dựng dựa trên sự tham khảo các chương trình đào tạo ngành Kế toán của các trường đại học trong nước và các nước phát triển. Chương trình được thiết kế ứng với thời gian đào tạo là 4 năm và thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ.

Nội dung chương trình bao gồm phần kiến thức Giáo dục đại cương (44 tín chỉ) và phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (125 tín chỉ). Để hoàn thành chương trình này người học cần tích lũy tối thiểu 131 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), trong đó số tín chỉ dành cho các học phần bắt buộc là 94 tín chỉ và số tín chỉ dành cho các học phần tự chọn là 37 tín chỉ.

Trong phần kiến thức Giáo dục đại cương, sinh viên được học các học phần về Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo qui định chung của Nhà trường. Bên cạnh đó sinh viên còn được học các học phần Ngoại ngữ, Thống kê xã hội và một số học phần tự chọn khác thuộc Khối khoa học xã hội - nhân văn.

Trong phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp, ở phần kiến thức cơ sở sinh viên được trang bị các học phần lý luận nền tảng về Kinh tế, ở phần kiến thức ngành sinh viên được trang bị các học phần liên quan đến chuyên ngành Kế toán. Các học phần tự chọn trong phần kiến thức ngành phong phú, sinh viên có thể chọn những học phần mà mình quan tâm và yêu thích. Cuối cùng ở phần kiến thức bổ trợ, sinh viên được trang bị thêm một số học phần mang tính công cụ như thống kê, kinh tế lượng và dự báo trong kinh doanh.

Trong quá trình học tập, bên cạnh việc hoàn thành các học phần tại trường sinh viên cần phải tham gia học phần Thực tập nghề nghiệp. Học phần này cung cấp cơ hội cho sinh viên áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế, qua đó góp phần quan trọng hình thành năng lực nghề nghiệp chuyên môn. Để hoàn thành học phần này, sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, các đơn vị hành chính sự nghiệp,... trong thời gian hơn hai tháng của học kỳ hè năm học thứ 3. Trong quá trình thực tập, sinh viên nhận được sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của các giảng viên hướng dẫn thực tập.

Những sinh viên có học lực khá, giỏi có thể chọn học phần Khóa luận. Với học phần này, sinh viên có cơ hội thực hiện hoạt động nghiên cứu chuyên môn với quy mô, phạm vi phù hợp với trình độ cử nhân, dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên được phân công. Thông qua việc làm Khóa luận, sinh viên phát triển được khả năng tư duy phân tích, tổng hợp cũng như các kỹ năng nghiên cứu khoa học và giải quyết vấn đề.

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế theo phương pháp xây dựng chương trình dựa trên chuẩn đầu ra, đồng thời theo hướng cân đối giữa lý thuyết và thực hành, chú trọng phát triển hài hòa năng lực của người học bao gồm cả ba mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ. Qua đó chương trình khi được thực hiện sẽ giúp sinh viên hình thành các năng lực nghề nghiệp mà xã hội yêu cầu. Chương trình cũng được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học.

Về điều kiện tốt nghiệp, sinh viên sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân Kế toán sau khi tích lũy đủ 131 tín chỉ, trong đó có đủ số tín chỉ quy định cho các học phần từ khối kiến thức Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp, và có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT

TRƯỞNG KHOA